



DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

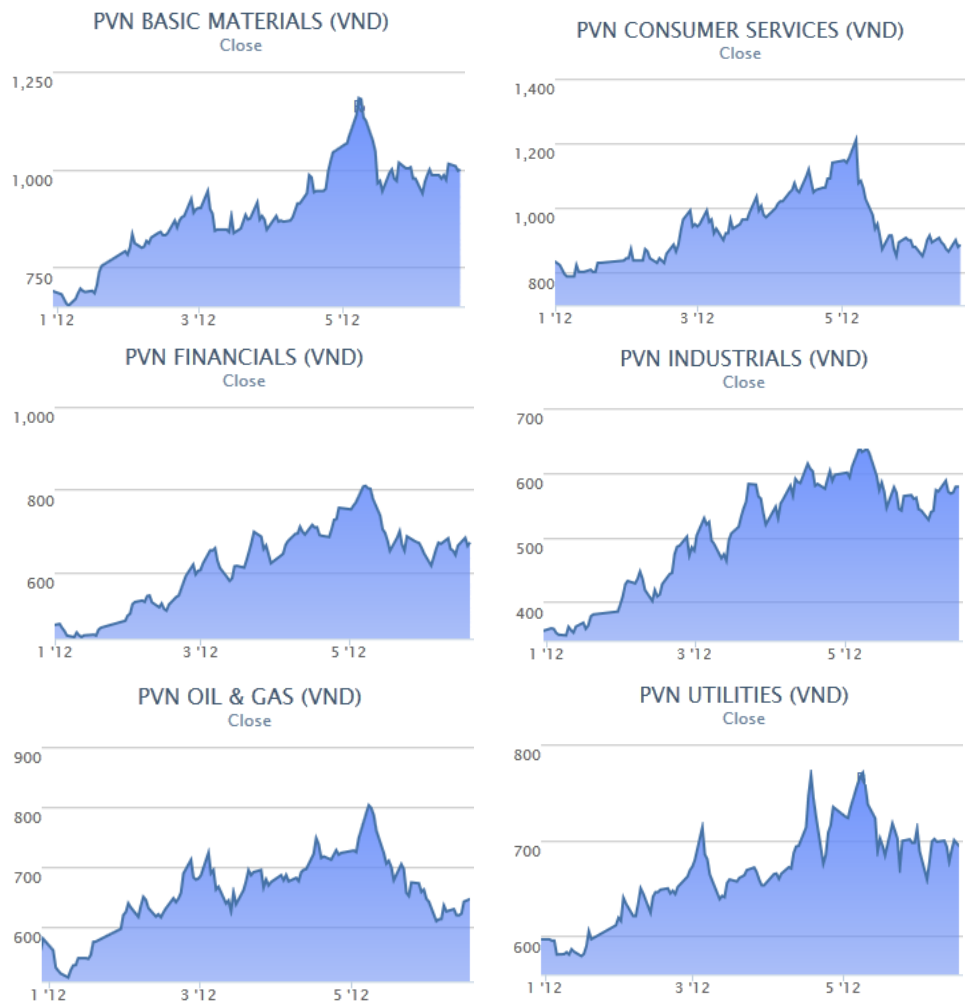


Chỉ số PVN 10



| Chỉ số | Giá đóng cửa | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|--------------|----------|------------|
| PVN 10 | 850.33 | ↑ 7.5 | ↑ 0.89 |
| PVN All-Share Continuous | 707.49 | ↑ 5.2 | ↑ 0.74 |
| PVN All-Share | 687.28 | ↑ 5.04 | ↑ 0.74 |
| PVN All-Share HSX | 724.33 | ↑ 4.11 | ↑ 0.57 |
| PVN All-Share HNX | 642.66 | ↑ 6.98 | ↑ 1.1 |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản | 1000 | ↑ 2.9 | ↑ 0.29 |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng | 887.32 | ↑ 7.04 | ↑ 0.8 |
| PVN Tài Chính | 672.75 | ↑ 8.3 | ↑ 1.25 |
| PVN Công Nghiệp | 569.88 | ↑ 5 | ↑ 0.88 |
| PVN Dầu Khí | 639.67 | ↑ 5.08 | ↑ 0.8 |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích | 683.19 | ↓ -3.66 | ↓ -0.53 |

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

| CHỈ SỐ | TÊN CHỈ SỐ | LOẠI CHỈ SỐ | Chỉ số Giá | | | | Chỉ số Lợi Nhuận | | | |
|--------|-------------------------|-------------|------------|-----|-----|-----|------------------|-----|-----|-----|
| | | | VND | EUR | USD | JPY | VND | EUR | USD | JPY |
| PVNAS | PVN ALL SAHRE | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNASC | PVN ALLSHARE CONTINUOUS | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHSX | PVN ALLSHARE HSX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHNX | PVN ALLSHARE HNX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVN10 | PVN 10 | Đầu tư | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNBM | PVN Vật liệu Cơ bản | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNCS | PVN Dịch vụ Tiêu dùng | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNFI | PVN Tài chính | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNIN | PVN Công nghiệp | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNOG | PVN Dầu khí | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNUT | PVN Dịch vụ Tiện ích | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| | TỔNG | 88 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index | 432.89 ↑ | 1.79 | 0.42% |
| KLGD (triệu ck) | 33.20 ↓ | -35.38 | -51.59% |
| GTGD (tỷ đồng) | 528.70 ↓ | -622.59 | -54.08% |
| Tổng cung (triệu ck) | 73.27 ↓ | -33.74 | -31.53% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 85.40 ↑ | 13.22 | 18.32% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 1.23 ↓ | -12.07 | -90.75% |
| KL bán (triệu ck) | 1.97 ↓ | -10.67 | -84.43% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 29.27 ↓ | -348.82 | -92.26% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 37.18 ↓ | -319.60 | -89.58% |

Nhận định thị trường:

Sau bầu cử Hy Lạp, cuộc họp của Fed trong tuần này trở thành tâm điểm chú ý của thị trường với kỳ vọng Fed sẽ tung ra gói nới lỏng định lượng lần 3 để kích thích kinh tế trong bối cảnh đã phục hồi chững lại. "Số liệu kinh tế cho thấy đà tăng trưởng kinh tế của Mỹ đang chững lại, chúng tôi hạ dự báo tăng trưởng năm 2012 của Mỹ từ 2,7% xuống 1,8%", bà Marcussen - Trưởng bộ phận kinh tế toàn cầu của Societe General nhận định.

Theo báo cáo của ngân hàng Nhà nước chi nhánh TPHCM, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến ngày 30.6 ước đạt 940.000 tỉ đồng, tăng 5,21% so với cuối năm 2011. So với cuối tháng 5, chỉ trong một tháng, tiền đã chảy thêm vào ngân hàng khoảng 36.500 tỉ đồng. Đây là tín hiệu tích cực đối với hệ thống ngân hàng nhưng cũng phản ánh mức độ hấp dẫn của các thị trường đầu tư vẫn chưa đủ để thu hút nguồn tiền nhàn rỗi.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 trên địa bàn thành phố Hà Nội giảm 0,17% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng tính CPI, 3 nhóm giảm là nhà ở - điện nước - vật liệu xây dựng (-1,86%), giao thông (-1,73%), hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,05%).

Một số ngân hàng bắt đầu triển khai mạnh hơn mảng cho vay tín dụng tiêu dùng, với mức lãi suất thấp hơn trước một chút, nhưng vẫn vào khoảng 17 – 19%/năm. Thời gian gần đây, một số CTCK cũng bắt đầu giảm nhẹ mức lãi suất cho các dịch vụ hỗ trợ khách hàng, nhưng mức giảm không đáng kể chỉ dưới 1%/năm.

Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn đã giảm về tới vùng thấp kỷ lục, tương đương với thời gian cuối năm 2011. Sự phục hồi nhẹ của chỉ số phiên hôm nay với thanh khoản sụt giảm không mang lại một tín hiệu tích cực nào. Trạng thái dao động hẹp tạm thời có thể tiếp tục trong ngắn hạn khi các NĐT vẫn chờ đợi các thông tin vĩ mô được công bố dần dần vào cuối tháng 6, nhưng nếu thanh khoản vẫn tiếp tục duy trì mức thấp kỷ lục hiện tại thì rủi ro giảm giá ngắn hạn trên thị trường sẽ rất lớn. NĐT vẫn nên giữ vị thế tiền mặt cao cho tới khi thanh khoản thị trường có sự cải thiện mạnh.

Công Ty CPCM Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

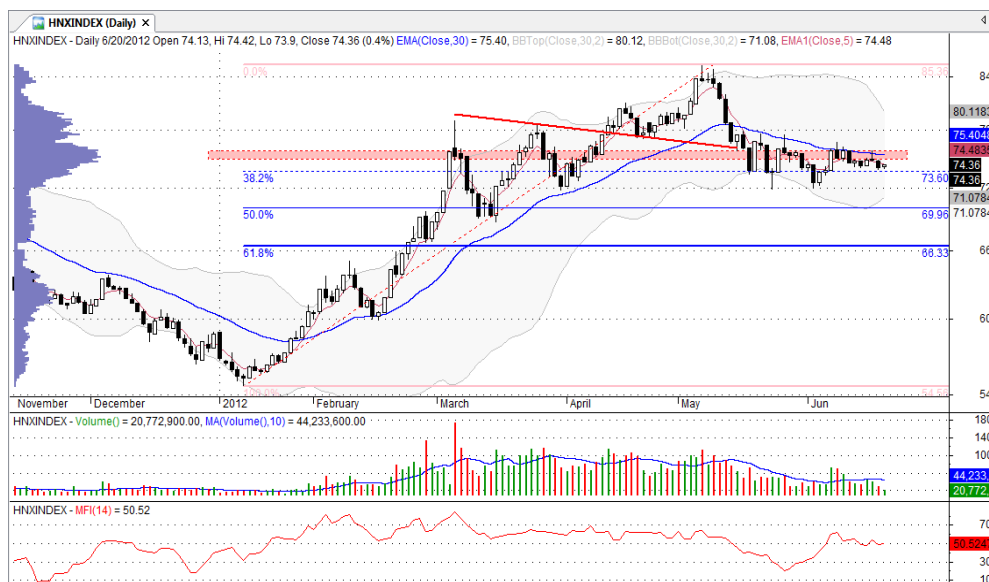
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| HNX-Index | 74.36 ↑ | 0.26 | 0.35% |
| KLGD (triệu ck) | 14.34 ↓ | -21.25 | -59.71% |
| GTGD (tỷ đồng) | 157.39 ↓ | -214.25 | -57.65% |
| Tổng cung (triệu ck) | 30.44 ↓ | -36.21 | -54.33% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 31.75 ↓ | -24.38 | -43.43% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 0.13 ↓ | -1.76 | -93.21% |
| KL bán (triệu ck) | 0.22 ↓ | -1.63 | -88.10% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 1.39 ↓ | -18.34 | -92.94% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 2.86 ↓ | -16.97 | -85.59% |



Đồ thị HNX-Index.

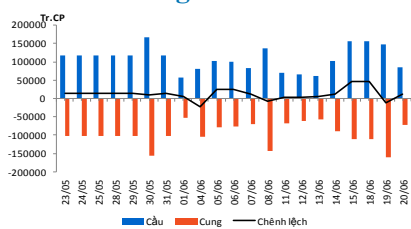
Thanh khoản phiên hôm nay đã sụt giảm xuống mức kỉ lục trong 1 năm qua, chỉ tương đương với giao dịch thời gian cuối năm 2011 khi toàn sàn HNX chỉ có khoảng trên dưới 20 triệu đơn vị cổ phiếu khớp lệnh. Yếu tố này cho thấy sự thiếu hụt dòng tiền tham gia thị trường trong giai đoạn hiện tại, và phiên phục hồi nhẹ ngày hôm nay không mang lại tín hiệu tích cực nào.

Hiện tại, có vẻ như NĐT vẫn còn chờ đợi các thông tin vĩ mô sẽ lần lượt công bố dần vào những ngày cuối tháng 6. Trạng thái giao dịch sideway hẹp của chỉ số HNX-Index có khả năng còn tiếp tục trong khoảng 73 – 76 điểm. Trong giai đoạn này nhiều pennies và midcap có khả năng diễn ra những phiên giảm sâu mà chủ yếu là do mất thanh khoản. Nếu thanh khoản HNX vẫn tiếp tục duy trì và kéo dài với mức thấp kỉ lục, nguy cơ về đợt sụt giảm mạnh sẽ vẫn còn hiện hữu.

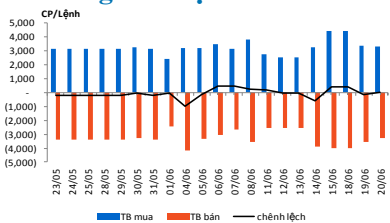
HNX-Index tạm thời vẫn đang sideway trong khoảng 73 – 76 điểm. Nếu thanh khoản HNX vẫn duy trì mức thấp như hiện tại thì nguy cơ sụt giảm của thị trường vẫn còn hiện hữu. NĐT nên ưu tiên vị thế tiền mặt trong danh mục, và nên giảm mạnh tỷ trọng các mã cổ phiếu pennies trong danh mục.

HSX:

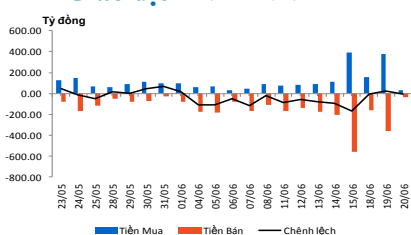
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

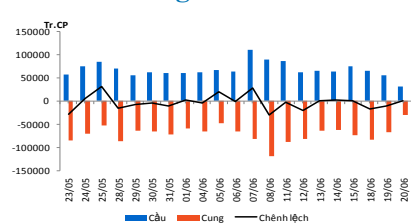
Mở đầu phiên giao dịch, Những thông tin tích cực tác động trước tiên đến nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn như BVH, VIC, SSI, HAG, FPT, REE, PVF, DPM... tạo lực đỡ cho VN-Index bật tăng nhẹ 0.72 điểm trong đợt khớp lệnh mở cửa, tương ứng 0.17% đạt 431.8 điểm. Tuy nhiên, giao dịch nhìn chung vẫn rất thận trọng, với hơn 1 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 15.8 tỷ đồng.

Suốt buổi sáng, chỉ có 20.75 triệu đơn vị chuyển nhượng tại HOSE, tương đương 329.63 tỷ đồng bao gồm cả giao dịch thỏa thuận. Tạm đóng cửa phiên buổi sáng, VN-Index tăng 0.68 điểm, tương đương 0.16% đạt 431.76 điểm và HNX-Index tăng 0.13 điểm, tức khoảng 0.18% tạm chốt ở 74.21 điểm.

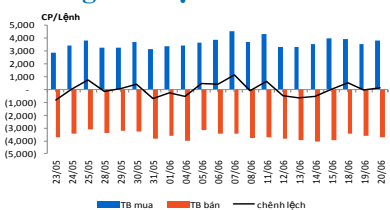
Kết phiên, VN-Index đến cuối phiên giữ được sắc xanh với mức tăng 1.81 điểm, tương ứng 0.42 điểm lên 432.89 điểm. Số lượng chứng khoán tăng giá lên đến 123 mã, còn lại có 88 mã giảm và 86 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Thanh khoản chỉ đạt vốn vện 34 triệu đơn vị, tương đương 615.5 tỷ đồng.

HNX:

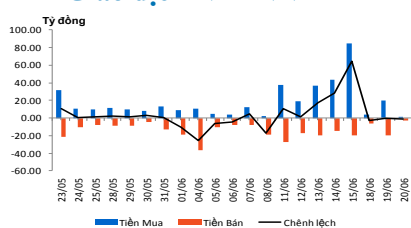
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Sàn HNX, chỉ số cũng mở cửa tăng nhẹ và đạt 74.35 điểm sau 15 phút, tức tăng 0.27 điểm (+0.36%) so với tham chiếu. Giao dịch cũng không khá hơn HOSE là bao, với 1.86 triệu đơn vị, tương đương 23.5 tỷ đồng. Bảng điện tử chỉ có 49 mã tăng giá, 15 mã giảm, phần còn lại đều đứng yên. Cổ phiếu AGC giảm kịch sàn và không có người mua sau khi có quyết định hủy niêm yết bắt buộc từ ngày 17/07 tới.

Kết thúc phiên sáng, HNX-Index tăng 0.13 điểm, tức khoảng 0.18% tạm chốt ở 74.21 điểm. HNX có 79 tăng/80 giảm cho thấy xu hướng giằng co khá rõ rệt.

Sàn HNX cũng duy trì mức tăng 0.28 điểm đến hết phiên, tức tăng 0.38% so với tham chiếu lên 74.38 điểm nhờ sự hỗ trợ của hơn 130 mã cổ phiếu, trong đó có các mã chủ chốt như PVX, VND, KLS, SHB. Các mã giảm đã thu hẹp còn 69 và có đến 197 mã giữ mốc tham chiếu. Cả phiên khối lượng giao dịch chỉ đạt gần 24 triệu đơn vị, tương đương 261.43 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 14 cổ phiếu tăng giá, 9 cổ phiếu đứng giá và 5 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCG (tăng 5,4%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PPE (giảm 6,90%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,36% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,542 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 20/06:

| STT | Mã | Tên công ty | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|---|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1 | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị | 5,900.0 | 100 | ↑ 5.40 | 0.52 | 15.95 | HNX |
| 2 | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long | 3,800.0 | 3,900 | → 0.00 | 0.37 | 34.55 | HNX |
| 3 | PFL | CTCP Dầu khí Đông Đô | 5,600.0 | 185,700 | ↓ -1.80 | 0.33 | 0.55 | HNX |
| 4 | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 23,000.0 | 354,800 | ↑ 0.40 | 1.89 | 1.53 | HNX |
| 5 | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN | 12,900.0 | 49,700 | ↑ 0.80 | 1.20 | 8.16 | HNX |
| 6 | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam | 5,400.0 | 100 | ↓ -6.90 | 0.49 | 2.98 | HNX |
| 7 | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí | 5,400.0 | 53,700 | → 0.00 | 0.53 | N/A | HNX |
| 8 | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 16,100.0 | 53,700 | → 0.00 | 0.96 | 2.41 | HNX |
| 9 | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí | 11,700.0 | 37,500 | → 0.00 | 2.05 | 5.34 | HNX |
| 10 | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc | 12,400.0 | 89,200 | ↑ 0.81 | 0.79 | 8.92 | HNX |
| 11 | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí | 19,000.0 | 53,223 | ↑ 3.26 | 0.81 | 9.60 | HNX |
| 12 | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN | 6,700.0 | 1,000 | ↑ 4.69 | 0.64 | 3.15 | HNX |
| 13 | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí | 15,900.0 | 376,600 | → 0.00 | 1.34 | 4.25 | HNX |
| 14 | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN | 10,400.0 | 2,669,046 | ↑ 0.97 | 0.46 | 3.91 | HNX |
| 15 | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | 38,400.0 | 224,150 | ↑ 1.32 | 3.10 | 12.31 | HSX |
| 16 | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 34,500.0 | 188,140 | ↑ 0.29 | 2.06 | 5.57 | HSX |
| 17 | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam | 27,700.0 | 8,980 | → 0.00 | 1.27 | 3.37 | HSX |
| 18 | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế | 8,600.0 | 169,150 | ↑ 2.38 | 0.74 | 6.28 | HSX |
| 19 | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | 12,600.0 | 79,130 | ↑ 0.80 | 0.72 | 3.10 | HSX |
| 20 | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN | 33,600.0 | 4,500 | ↓ -1.18 | 1.64 | 4.75 | HSX |
| 21 | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí | 5,500.0 | 518,350 | ↓ -3.51 | 0.54 | 4.26 | HSX |
| 22 | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí | 35,900.0 | 219,410 | ↑ 1.41 | 1.21 | 7.05 | HSX |
| 23 | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí | 13,200.0 | 800,020 | ↑ 0.76 | 1.16 | 16.71 | HSX |
| 24 | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí | 5,900.0 | 273,940 | ↑ 1.72 | 0.60 | 53.64 | HSX |
| 25 | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí | 7,000.0 | 67,960 | → 0.00 | 0.67 | 4.67 | HSX |
| 26 | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 6,600.0 | 3,160 | → 0.00 | 0.60 | 3.44 | HSX |
| 27 | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | 11,400.0 | 38,110 | → 0.00 | 0.86 | 3.42 | HSX |
| 28 | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 6,600.0 | 19,420 | ↓ -1.49 | 0.60 | 4.34 | HSX |
| 29 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 4,300.0 | 7,000 | → 0.00 | 0.39 | 4.61 | UPCOM |
| 30 | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 7,700.0 | - | → 0.00 | 0.72 | 0.00 | UPCOM |
| 31 | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ | 4,500.0 | 7,200 | ↑ 2.27 | 0.46 | 13.58 | UPCOM |
| 32 | PSB | CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình | 4,400.0 | 6,400 | ↑ 10.00 | 0.39 | 3.95 | UPCOM |
| 32 | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương | 3,800.0 | - | → 0.00 | 0.34 | N/A | UPCOM |

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VND) |
|-----|------------|----------|------|------------------------------------|
| STB | 22,500 | 22,800 | 1.33 | 65,271,109 |
| SSI | 21,900 | 22,000 | 0.46 | 26,889,637 |
| CSM | 27,500 | 28,100 | 2.18 | 22,433,447 |
| OGC | 13,900 | 14,100 | 1.44 | 15,455,719 |
| KSA | 15,200 | 15,400 | 1.32 | 11,851,226 |

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VND) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| SCR | 14,800 | 14,300 | -3.38 | 28,247 |
| PVX | 10,300 | 10,400 | 0.97 | 27,711 |
| VND | 11,700 | 11,800 | 0.85 | 21,550 |
| PGS | 22,900 | 22,900 | 0.00 | 8,131 |
| TH1 | 25,200 | 25,500 | 1.19 | 7,910 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| CIG | 4,000 | 4,200 | 200 | 5.00 |
| FBT | 12,000 | 12,600 | 600 | 5.00 |
| VNG | 6,100 | 6,400 | 300 | 4.92 |
| LHG | 14,300 | 15,000 | 700 | 4.90 |
| TAC | 43,000 | 45,100 | 2,100 | 4.88 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| SDS | 4,300 | 4,600 | 300 | 6.98 |
| VDL | 36,900 | 39,400 | 2,500 | 6.78 |
| PTI | 10,400 | 11,100 | 700 | 6.73 |
| QHD | 6,000 | 6,400 | 400 | 6.67 |
| VBH | 15,400 | 16,400 | 1,000 | 6.49 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| DLG | 10,100 | 9,600 | -500 | -4.95 |
| THG | 14,500 | 13,800 | -700 | -4.83 |
| NSC | 39,700 | 37,800 | -1,900 | -4.79 |
| NBB | 33,500 | 31,900 | -1,600 | -4.78 |
| LGC | 17,500 | 16,700 | -800 | -4.57 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| VMC | 18,700 | 17,400 | -1,300 | -6.95 |
| PPE | 5,800 | 5,400 | -400 | -6.90 |
| VE1 | 4,600 | 4,300 | -300 | -6.52 |
| PMS | 7,700 | 7,200 | -500 | -6.49 |
| SAP | 9,500 | 8,900 | -600 | -6.32 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VND) | Mã | GT bán (triệu VND) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| GAS | 5,018 | STB | 15,825 |
| DPM | 3,629 | VSH | 7,058 |
| EB | 3,304 | JVC | 2,298 |
| JVC | 2,471 | DPM | 1,680 |
| VIC | 1,985 | AGF | 1,625 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VND) | Mã | GT bán (triệu VND) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVX | 622 | VNR | 871 |
| PVE | 206 | SDT | 615 |
| SD7 | 142 | VCS | 329 |
| TAS | 129 | VC1 | 296 |
| VCS | 97 | SD7 | 218 |

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339